

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SỐ TOÀN CẦU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SỐ TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: GLOBAL DIGITAL TECHNOLOGY DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

2. Mã số doanh nghiệp: 0108883424

3. Ngày thành lập: 30/08/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2 Phố Văn Cao, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983464006

Fax:

Email: gtdgroup@gmail.com

Website: www.gtdgroup.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: -Đại lý bán hàng hóa	4610
2.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
3.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
4.	Xây dựng nhà để ở	4101
5.	Xây dựng nhà không để ở	4102
6.	Cổng thông tin Chi tiết: - Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; - Thiết lập mạng xã hội; (Trừ hoạt động báo chí)	6312
7.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
8.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Hoạt động thương mại điện tử	4791
9.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn và đại diện trước pháp luật, hoạt động kế toán, kiểm toán, tư vấn thuế)	7020
10.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm; tư vấn, thiết kế trang web....	6209
11.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
12.	Xuất bản phần mềm	5820
13.	Dịch vụ đóng gói	8292
14.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211

15.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
16.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
17.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động môi giới thương mại - Tư vấn về công nghệ khác;	7490
18.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
19.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
20.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
21.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
22.	Quảng cáo	7310
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
24.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
25.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
26.	Xây dựng công trình điện	4221
27.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
28.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
29.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
30.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
31.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
32.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
33.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: - Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo, từ dữ liệu do khách hàng cung cấp. - Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web.... - Các hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan khác như: chia sẻ thời gian thực cho các thiết bị công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị di động,...) cho khách hàng.	6311(Chính)
34.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
35.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
36.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
37.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
38.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164

39.	Đóng tàu và cầu kiện nổi	3011
40.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012
41.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
42.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
43.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
44.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
45.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
46.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
47.	Phá dỡ	4311
48.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
50.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
51.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
52.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
53.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
54.	Bán buôn thực phẩm	4632
55.	Bán buôn đồ uống	4633
56.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
57.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
58.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
59.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
60.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
61.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
62.	Bán buôn tổng hợp	4690
63.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
64.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
65.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
66.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
67.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
68.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

69.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
70.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
71.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
72.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
73.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
74.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
75.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
76.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
77.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
78.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
79.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
80.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
82.	Bốc xếp hàng hóa	5224
83.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229
84.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
85.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
86.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
87.	Trồng cây lâu năm khác	0129
88.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
89.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
90.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
91.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới bất động sản	6820
92.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
93.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
94.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
95.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
96.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
97.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131

6. **Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN MARINA CAPITAL	Số 6/18 ngõ 165 đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	0107813696	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000		
2	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Số 6 gác 18 ngõ 165 đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	35.000	350.000.000	35,000	030180004177	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	35.000	350.000.000	35,000		

3	LÊ THANH HẢI	3/37/2 Đò Quan, Phường Cửa Nam, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	35.000	350.000.000	35,000	036089007280
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	35.000	350.000.000	35,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THANH HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 22/12/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 036089007280

Ngày cấp: 30/07/2018

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *3/37/2 Đò Quan, Phường Cửa Nam, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P1503 Time Tower, 35 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 20/01/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 030180004177

Ngày cấp: 24/08/2017

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 6 ngách 18 ngõ 165 đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 6 ngách 18 ngõ 165 đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội